

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền
hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng
thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
của Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Long Linh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 3029/2017/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 388/GP-UBND ngày 07/10/2015 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá bazan làm VLXD làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa” (Khu vực Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Long Linh được cấp phép thăm dò mở rộng, trữ lượng tính đến ngày 26/10/2018); Quyết định số 4511/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của Ủy ban nhân

dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khai thác mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung; Quyết định số 3896/QĐ-UBND ngày 22/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt báo cáo thăm dò khoáng sản mỏ đá Spylit làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa (khu mỏ Doanh nghiệp tư nhân Long Linh được cấp phép khai thác); Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với 5 mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Theo Công văn số 9188/STNMT-TNKS ngày 31/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giải trình, làm rõ lý do của việc thay đổi tên khoáng sản từ đá spilit sang đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 759/TTr-STNMT ngày 23/8/2021; kèm theo Công văn số 8134/SXD-VLXD ngày 24/12/2020 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá bazan làm VLXD thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò đối với mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Long Linh, cụ thể như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Long Linh;
Địa chỉ: Thôn Hang Trâu Đô Mỹ, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;
Mã số thuế: 2800273313;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác:

- $G_1 = G_{tn} \times K_{qd} = 77.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,475 = 113.575 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá bazan làm VLXD thông thường;

- $G_2 = G_{tn} \times K_{qd} = 2.400.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,0 = 2.400.000 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá khối để xẻ;

- $G_3 = G_{tn} \times K_{qd} = 49.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,290 = 63.210 \text{ đồng/m}^3$ đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình;

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

$Q = (Q_1 + Q_2) + (Q_3 + Q_4) + Q_5 = 924.181 \text{ m}^3$, trong đó:

- Q_1 là trữ lượng đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường : 494.139 m^3 (theo Quyết định số 3896/QĐ-UBND ngày 22/11/2012 của UBND tỉnh);

- Q_2 là trữ lượng đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường : 323.698 m³ (theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh);

- Q_3 là trữ lượng đá khối để xẻ: 48.871 m³ (theo Quyết định số 3896/QĐ-UBND ngày 22/11/2012 của UBND tỉnh);

- Q_4 là trữ lượng đá khối để xẻ: 32.014 m³ (theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh);

- Q_5 là trữ lượng đất san lấp: 25.459 m³ (theo Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh);

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 1,0$;

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $R_1 = 3\%$ (đối với các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại, trừ nguyên liệu sản xuất cát nghiền);

- $R_2 = 1\%$ (đối với đá khối làm ốp lát các loại);

g) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp;

$$T = [(Q_1 + Q_2) \times G_1 \times K_1 \times K_2 \times R_1] + [(Q_3 + Q_4) \times G_2 \times K_1 \times K_2 \times R_2] + (Q_5 \times G_3 \times K_1 \times K_2 \times R_1) = [(494.139 \text{ m}^3 + 323.698 \text{ m}^3) \times 113.575 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 3\%] + [(48.871 \text{ m}^3 + 32.014 \text{ m}^3) \times 2.400.000 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 1\%] + (25.459 \text{ m}^3 \times 63.210 \text{ đồng/m}^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 3\%) = 4.298.483.718 \text{ đồng}.$$

Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, bảy trăm mười tám đồng;

* Số tiền đơn vị đã nộp: $T_1 = 1.244.254.115$ đồng (theo Thông báo số 1055/TB-CCT ngày 17/8/2021 của Chi cục Thuế khu vực thị xã Bỉm Sơn - Hà Trung);

* Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị còn phải nộp là:

$T_2 = T - T_1 = 4.298.483.718 \text{ đồng} - 1.244.254.115 \text{ đồng} = 3.054.229.603 \text{ đồng}$
(Ba tỷ, không trăm năm mươi tư triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm linh ba đồng);

g) Số năm khai thác (làm tròn) là: $X = 30$ năm;

h) Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: $X/2 = 15$ lần (hoàn thành việc thu tiền cấp quyền vào nửa đầu thời hạn cấp phép);

i) Số tiền nộp lần đầu: $T_{ld} = T : (X : 2) \times 30\%$.

$T_{ld} = 3.054.229.603 \text{ đồng} : (30 : 2) \times 30\% = 61.084.592 \text{ đồng}$ *(Sáu mươi mốt triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, năm trăm chín mươi hai đồng);*

k) Số tiền nộp lần thứ 02 đến lần thứ 15:

$T_{hn} = (T - T_{ld}) : (15 - 1) = (3.054.229.603 \text{ đồng} - 61.084.592 \text{ đồng}) : (15 - 1)$
 $= 213.796.072 \text{ đồng}$ (Hai trăm mười ba triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng);

l) Thời điểm nộp tiền:

- Lần đầu chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày ban hành thông báo của cơ quan thuế và trước khi nhận Giấy phép khai thác;

- Từ lần thứ hai vào năm tiếp theo được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 18 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

2. Hoàn trả kinh phí thăm dò

- Đối với khu vực mở cũ mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Long Linh đã nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò vào ngân sách Nhà nước;

- Đối với khu vực mở rộng mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa do Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Long Linh tự bỏ kinh phí thăm dò, phê duyệt trữ lượng; do đó, Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Long Linh không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Long Linh về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Long Linh có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nêu trên và số tiền được điều chỉnh bổ sung (nếu có) vào ngân sách Nhà nước theo quy định;

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra.

3. UBND huyện Hà Trung; UBND xã Hà Tân, huyện Hà Trung có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) đối với Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Long Linh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế số thứ tự 3, phụ lục kèm theo Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 30/5/2014.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Chủ tịch UBND xã Hà Tân, huyện Hà Trung; Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Long Linh; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, KTTC (KTH.21.42435).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi